

Tìm hiểu sự phát triển của các thể loại tác phẩm thanh nhạc Việt Nam

Trần Đình Lộc*, Nguyễn Quang Minh*

*ThS. Khoa Du lịch và VHNT, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh

Received: 13/11/2022; Accepted: 21/11/2022; Published: 28/11/2022

Abstract: Vocal work is a content in the system of vocal exercises including: Vocal exercises, vocal exercises and vocal works. In vocal textbooks, a vocal work is the final stage of a professional vocal training period, which is carefully and scientifically selected when included in the curriculum with strict and rigorous requirements for professional practice. Sufficient for learners.

Keywords: Vocal works, genres, compositions

1. Mở đầu

Tác phẩm thanh nhạc (TN) là thuật ngữ chuyên môn dùng riêng trong lĩnh vực TN, trong giáo trình đào tạo TN ở các nhạc viện, trường nghệ thuật, khoa nghệ thuật. Cho đến nay, trải qua các giai đoạn phát triển của nền âm nhạc Việt Nam nói chung, và lĩnh vực nghệ thuật TN nói riêng, có thể tạm chia các thể loại tác phẩm thanh nhạc (TPTN) Việt Nam như sau: Dân ca, ca khúc phổ thông, ca khúc nghệ thuật, romance và aria.

2. Các thể loại TPTN Việt Nam và quá trình phát triển

2.1. Dân ca

Dân ca là kết quả của quá trình sáng tác tập thể, truyền từ đời này sang đời khác, luôn chứa đựng trong nó những tự tình dân tộc sâu sắc, bài hát dễ nhớ, dễ thuộc. Về nhiều phương diện, cho đến nay, dân ca là mẫu mực của một nền nghệ thuật cao đẹp. Nó có khả năng thể hiện những nội dung sâu sắc bằng lối diễn đạt ngắn gọn, súc tích và khái quát được những đặc tính cơ bản của dân tộc qua hình thức nghệ thuật.

Trên thế giới, mỗi nước đều có một nền dân ca với những đặc điểm riêng biệt mà các dân tộc khác không thể nào có được. Việt Nam có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có những nét riêng thể hiện qua ngôn ngữ dân ca, hệ nhạc khí dân tộc, phong cách và thể loại. Chính vì tính chất phong phú, đa dạng, giàu tính nghệ thuật của dân ca nên các nhà soạn nhạc, các nghệ sĩ đều xem dân ca là “bầu sữa mẹ” nuôi dưỡng những sáng tạo của mình.

Ở Việt Nam, do hình thành từ tiếng nói đơn âm, có nhiều dấu nên dân ca Việt Nam có giai điệu rất uyển chuyển, âm thanh trầm bổng, âm vực rộng, điệu thức phong phú. Mỗi miền lại có đặc điểm riêng về ngôn ngữ nên dân ca miền Bắc giàu chất trữ tình,

trong sáng; Dân ca miền Trung mang nhiều yếu tố tự sự, đượm buồn man mác; Dân ca miền Nam có chất phóng khoáng, nhiều nét dí dỏm, vui tươi. Chúng ta có thể tìm thấy những điều này qua một số tác phẩm tiêu biểu: *Hát ru*, *Trống cơm*, *Người ở đừng về* (dân ca Bắc bộ); *Lý vọng phu*, *Lý hoài nam* (dân ca Trung bộ); *Lý kéo chài*, *Lý quạ kêu* (dân ca Nam bộ)... Các tác phẩm dân ca Việt Nam luôn được lựa chọn để đưa vào giáo trình TN bắt đầu từ năm thứ nhất.

2.2. Ca khúc phổ thông

Thường có cấu trúc đơn giản, bài hát ngắn gọn, âm vực hẹp, giai điệu ít biến đổi. Thể loại này nhằm mục đích viết cho đa số quần chúng hát theo nên cần dễ nhớ, dễ thuộc, lời ca mộc mạc, chân phương, đề cập trực tiếp đến vấn đề muốn nói. Có thể tạm chia sự phát triển của thể loại ca khúc này ở nước ta làm ba giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn cuối thập niên 1930, một số ca khúc tiêu biểu thuộc thể loại này từ những ca khúc dùng nhạc sẵn có của nước ngoài đặt lời Việt, các nhạc sĩ Việt Nam đã tiến dần tới chỗ trực tiếp sáng tác cả nhạc và lời, như: *Cùng nhau đi hồng binh* sáng tác của Đình Nhu; *Nhớ chiến khu*, *Du kích ca* của Đỗ Nhuận..

- Giai đoạn sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời cho đến 1954 miền Bắc được giải phóng, thời điểm này số lượng ca khúc phổ thông Việt Nam đạt đến mức độ phong phú: *Lên đường*, *Nam bộ kháng chiến* của Lưu Hữu Phước; *19-8* của Xuân Oanh; *Nam Bộ kháng chiến* của Tạ Thanh Sơn; *Biết ơn Cụ Hồ* của Lưu Bách Thụ; *Vì nhân dân quên mình* của Doãn Quang Khải; *Chiến thắng Điện Biên* của Đỗ Nhuận; *Tiến về Hà Nội* của Văn Cao...

Sau 1954, nền nghệ thuật Việt Nam đã thực sự trưởng thành và phát triển theo khuynh hướng chuyên

nghiệp hoá, lúc này các nhạc sĩ chuyên nghiệp hướng sáng tác thể loại ca khúc phổ thông đến sân khấu chuyên nghiệp, nhờ vậy các ca khúc thể loại này đã vươn đến tầm cao mới về chất lượng âm nhạc và nội dung văn học trong lời ca, đó là: *Trai anh hùng gái đảm đang* của Đỗ Nhuận; *Xuống đường* của Lưu Hữu Phước; *Bước chân trên dải Trường Sơn* của Vũ Trọng Hối – Đặng Thục; *Hành quân đêm* của Xuân Hồng; *Cây chông tre* của Trí Thanh...

- Giai đoạn sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, ca khúc phổ thông Việt Nam tiếp tục phát triển, với nhiều tác phẩm tiêu biểu: *Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh* của Xuân Hồng; *Như có Bác trong ngày vui đại thắng* của Phạm Tuyên; *Ơi cuộc sống mến thương* của Nguyễn Ngọc Thiệp; *Chuyện đời xưa chuyện đời nay* của thể Hiền; *Em ở nông trường em ra biên giới* của Trịnh Công Sơn; *Tình yêu bên dòng sông Quan họ* của Phan Lạc Hoa...

2.3. Ca khúc nghệ thuật

Đây là bộ phận quan trọng nhất, phong phú nhất của nền ca khúc Việt Nam. Khác với ca khúc phổ thông là viết cho mọi người có thể hát được, ca khúc nghệ thuật được các nhạc sĩ sáng tác tạo ra những tác phẩm có tính chuyên nghiệp cao dành cho các ca sĩ biểu diễn, đôi khi là dành cho một giọng ca nào đó. Chính vì thế, ca khúc nghệ thuật thường có cấu trúc tương đối phức tạp, âm vực rộng, có nhiều quãng nhảy xa bất thường, đôi khi có chuyển điệu... Lời hát trong ca khúc nghệ thuật rất đẹp đẽ, trau chuốt và giàu hình tượng văn học. Có thể nói ca khúc nghệ thuật là cơ sở để thông qua đó đánh giá năng lực ca hát của một ca sĩ.

*Có thể chia sự phát triển của thể loại này qua 3 giai đoạn.

- Trong thời kỳ kháng chiến chống pháp, phải kể đến một số tác phẩm tiêu biểu: *Ngày mùa* của Văn Cao; *Làng tôi* của Hồ Bắc; *Lên ngàn* của Hoàng Việt; *Bộ đội về làng* của Lê Yên; *Đóng nhanh lúa tốt* của Lê Lôi... Những ca khúc nghệ thuật của giai đoạn này là sự chuẩn bị cần thiết, rất quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực sáng tác ca khúc giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nghệ thuật sáng tác ca khúc đã đạt tới tầm chuyên nghiệp cao và sự ổn định. Một trong những sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến lĩnh vực sáng tác cũng như biểu diễn TN, đó là sự ra đời của Trường Âm nhạc Việt Nam năm 1956, và Hội nhạc sĩ Việt Nam năm 1957. Trường Âm nhạc Việt Nam là cái nôi đào tạo những nhạc sĩ đầu tiên, tiên biểu của giai

đoạn đó là: Hồng Đăng, Vĩnh Cát, Hoàng Việt, Ngô Huỳnh, Hoàng Hiệp, Huy Thục, Tô Ngọc Thanh, Ca Lê Thuần, Lưu Nhất Vũ, Đoàn Phi... Bên cạnh đó, một loạt các nhạc sĩ được gửi đi đào tạo từ các nước Xã hội chủ nghĩa Liên Xô, Trung Quốc như: Hoàng Vân, Huy Du, Phạm Đình Sáu, Chu Minh, Hoàng Đạm, Trọng Bằng, Trần Quý, Quang Hải, Đàm Linh, Nguyễn Đình Tấn, Ca Lê Thuần, Tạ Bôn, Bùi Gia Tường, Bích Ngọc... Các nhạc sĩ này cũng đã phát huy chuyên môn của mình, góp phần đào tạo thế hệ nhạc sĩ tài năng kế cận: Đặng Hữu Phúc, Đỗ Hồng Quân, Phó Đức Phương... Giai đoạn này, các TPTN được sáng tác đã đạt tới tầm chuyên nghiệp hoá cao và sự ổn định, bút pháp vững vàng và chín muồi về cảm xúc, vươn lên một tầm cao mới, có thể kể đến một số ca khúc tiêu biểu: *Câu hò bên bờ Hiền Lương* của Hoàng Hiệp; *Mẹ yêu con* của Nguyễn Văn Tý; *Những ánh sao đêm* của Phan Huỳnh Điểu; *Xa khơi* của Nguyễn Tài Tuệ; *Quảng Bình quê ta ơi* của Hoàng Vân; *Chào sông Mã anh hùng* của Xuân Giao; *Khúc hát dạo quê hương* của Phạm Đình Sáu; *Tiếng đàn bầu* của Đặng Hữu Phúc; *Người là niềm tin tất thắng* của Chu Minh; *Hà Nội niềm tin hy vọng* của Phan Nhân; *Việt Nam đường chúng ta đi* của Huy Du...

- Giai đoạn sau 1975, Những đề tài lớn quen thuộc vẫn được các nhạc sĩ chú trọng khai thác và đem đến cho công chúng những TPTN giá trị.

*Vai trò của ca khúc nghệ thuật trong giảng dạy và biểu diễn.

Như đã trình bày, thể loại ca khúc nghệ thuật với nhiều đề tài phong phú, lời ca và âm nhạc trong ca khúc nghệ thuật thường bay bổng, tinh tế, hoa mỹ với bút pháp sáng tác điêu luyện của các nhạc sĩ, do vậy đòi hỏi người biểu diễn phải được rèn luyện các kỹ thuật TN, có kiến thức, kỹ năng TN tốt, khả năng xử lý ngôn ngữ và phải có sự hiểu biết về tác phẩm mới có thể truyền tải được ý nghĩa của ca khúc đến người nghe.

2.4. Romance

Xuất xứ từ Tây ban Nha, lúc đầu có nghĩa là bài hát dân gian, thể tục hát bằng tiếng Tây ban Nha. Theo thời gian, dần dần ý nghĩa của từ Romance được mở rộng, người ta dùng thuật ngữ ấy để chỉ một thể loại TN thấm đượm chất lãng mạn, trữ tình, có hình thức phức tạp hơn ca khúc, thường viết cho đơn ca với phần đệm piano bắt buộc kèm theo. Tuy nhiên, không phải ca khúc có phần đệm piano nào cũng được coi là Romance, phần đệm piano của Romance đi độc lập với giai điệu, hình tượng âm nhạc rõ ràng.

Đặc biệt phần đệm piano của tác phẩm Romance có thể biến tấu thành bản khí nhạc chơi độc lập.

Trong Romance, sự liên hệ giữa âm nhạc và lời ca luôn chặt chẽ, chi tiết hơn ca khúc, giai điệu bám sát lời ca một cách linh hoạt phản ánh các hình tượng trong sự phát triển của chúng. Đặc biệt là phần đệm piano có ý nghĩa diễn cảm sâu sắc, góp phần thể hiện nội dung tác phẩm một cách sinh động. Thể loại Romance bắt đầu thịnh hành vào nửa đầu thế kỷ 19, thời kỳ mà nói chung người ta chú trọng nhiều đến các thể loại trữ tình, đến các hình thức nghệ thuật phản ánh thế giới nội tâm của con người cá nhân tại phương Tây.

Romance đã có một hành trình lịch sử phát triển lâu dài và được xuất phát từ nhu cầu cuộc sống xã hội. Trên thế giới, Romance được quan niệm là thể loại ca khúc viết bởi các nhà soạn nhạc chuyên nghiệp, lời bài hát thường dựa trên lời của một bài thơ. Theo quan niệm đó, Romance chính là bài thơ được dệt nhạc, trong đó âm nhạc làm nổi bật ý thơ. Bằng cảm xúc của mình, người ca sĩ kết hợp với tài đệm đàn của nhạc công đã chuyển tải đến người nghe ý nghĩa của tác phẩm. Trong công tác giảng dạy và biểu diễn TN, Romance là một thể loại tác phẩm dùng cho TN chuyên nghiệp, thường được dùng cho những giọng ca được đào tạo bài bản bởi độ khó trong kỹ thuật TN và độ tinh tế trong xử lý tác phẩm.

Ở các thành phố lớn Việt Nam thời thuộc Pháp, do tiếp xúc với văn hoá phương Tây, công chúng yêu nhạc đã biết đến các Romance nổi tiếng: *Sông Đa Nuyt xanh* của J.Strauss; *Sóng sông Đa Nuyt* của Ivanovici; *Serenade, Ave Maria* của F.Schubert; *Come back Soriento* của Ernesto de Curtis... Sau 1954, số lượng các tác phẩm Romance xuất hiện nhiều hơn, đặc biệt là các tác phẩm của nền âm nhạc Liên Xô. Các tác phẩm Romance giai đoạn này được các nhà nghiên cứu âm nhạc, nhà sư phạm TN như Nguyễn Trung Kiên, Hồ Mộ La, Mai Khanh, Vũ Tự Lân, Trần Hiếu phỏng dịch, đặt lời Việt để phổ biến rộng rãi hơn đến công chúng yêu âm nhạc.

Bên cạnh đó, các nhạc sĩ Việt Nam giai đoạn này đã sáng tác những tác phẩm Romance có giá trị nghệ thuật cao, để lại trong lòng người hâm mộ những âm hưởng đẹp đẽ và lâu bền: *Tình ca* của Hoàng Việt; *Bài ca hy vọng* của Văn Ký; *Bài ca chiến thắng* của Trần Kiệt Tường; *Ta tự hào đi lên ôi Việt nam* của Chu Minh; *Người chiến sĩ ấy* của Hoàng Vân; *Tình em* của Huy Du...

Ngoài ra, ở thể loại này cần phải nhắc đến các bản Trường ca, đây là một thể loại được sáng tác để khái

quát những đề tài lớn, một hình tượng lớn với cấu trúc tác phẩm gồm nhiều đoạn, nhiều tốc độ khác nhau, có thể kể đến với những tác phẩm tiêu biểu: *Sóng Lô* của Văn Cao; *Ba Đình nắng* của Bùi Công Kỳ; *Bình Trị Thiên khói lửa* của Nguyễn Văn Thương; *Du kích sông Thao* của Đỗ Nhuận; *Tôi là người thợ lò* của Hoàng Vân; *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi...

2.5. Aria

Khác với ca khúc và Romance là những TPTN thuộc loại tương đối nhỏ, Aria được dùng để chỉ những tác phẩm lớn viết cho các ca sĩ chuyên nghiệp đơn ca với phần đệm của dàn nhạc giao hưởng. Aria luôn được viết với bút pháp điêu luyện, nghiêm ngặt, giàu kịch tính, dành cho một nhân vật trong vở Opéra, và đây cũng là đặc điểm phân biệt Aria với các thể loại TPTN khác.

Một số tác phẩm Aria có giá trị nghệ thuật của các nhạc sĩ Việt Nam được sáng tác, đây là những thành tựu lớn lao của nền âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam: *Người tạc tượng* của Đỗ Nhuận; *Cô Sao* của Đỗ Nhuận; *Bông sen trắng* của Lưu Hữu Phước; *Bên bờ K'ông Pa* của Nhật Lai.

3. Kết luận

Nhìn chung, các TPTN Việt Nam quy mô không lớn, có đặc điểm là giai điệu luôn kết hợp chặt chẽ với lời ca nên dễ phổ cập, đi vào lòng người, dễ diễn đạt các mặt khác nhau của đời sống. Việc nắm vững thể loại và cấu trúc TPTN Việt Nam là yêu cầu bắt buộc đối với SV học TN cũng như mọi ca sĩ biểu diễn với vai trò là người sáng tạo lần thứ hai trong âm nhạc. Ngoài giọng hát, kỹ thuật TN, kỹ năng ca hát, việc nắm vững thể loại và cấu trúc tác phẩm giúp nâng cao trình độ xử lý tác phẩm của người ca sĩ.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Trọng Từ, Đỗ Mạnh Thường, Đức Bằng (1984), *Thuật ngữ và ký hiệu âm nhạc thường dùng*, NXB Văn hoá.
2. Lan Hương (1981), *Các thể loại âm nhạc*, NXB Văn hoá.
3. Nguyễn Lang (1984), *Bước đầu tìm hiểu âm nhạc*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Nhung (1996), *Thể loại âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
5. Tú Ngọc (1994), *Dân ca người Việt*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.
6. Nhiều tác giả (1986), *Nhạc sĩ sáng tác Việt Nam tập 1 và 2*, NXB Văn hoá.
7. Nhiều tác giả (2003), *50 năm miền Nam ca hát*, NXB Văn hoá Văn nghệ.